

Số: 198/QĐ-BVNS

Nga Sơn, ngày 05 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

Căn cứ quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 10/3/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Bệnh viện đa khoa tuyến huyện.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 4809/TB-SYT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Sở Y Tế Thanh Hoá về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng tài chính kế toán Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025. Đơn vị được xét duyệt: Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn tới toàn thể cán bộ công nhân viên chức (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các khoa, phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở tài chính Thanh Hoá;
- Như điều 3;
- Lưu :VT,PTCKT.



NGÔ CÔNG NGHIÊM

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025
Đơn vị được xét duyệt : Bệnh viện đa khoa Nga Sơn.
Mã chương : 423

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Nga Sơn và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 10/3/2026 giữa Sở Y tế và Bệnh viện đa khoa Nga Sơn;

Sở Y tế thông báo xét duyệt quyết toán năm 2025 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn viện trợ) của Bệnh viện đa khoa Nga Sơn như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

- a) Thu phí, lệ phí: Không có
- b) Quyết toán chi ngân sách:
- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Dự toán năm trước chuyển sang: | - đồng; |
| - Dự toán được giao trong năm: | 2.486.000.000 đồng |
| Trong đó: + Dự toán giao đầu năm: | 2.486.000.000 đồng; |
| + Dự toán bổ sung trong năm: | - đồng; |
| - Kinh phí thực nhận trong năm: | 2.486.000.000 đồng; |
| - Kinh phí quyết toán trong năm: | 2.486.000.000 đồng; |
| - Kinh phí còn dự tại Kho bạc: | - đồng; |

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan Thanh tra, cơ quan Tài chính.

Đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.913.743 đồng theo Kết luận của Thanh tra tỉnh tại thanh tra công tác phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Y tế Thanh Hoá quản lý.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Quyết toán kinh phí năm 2025 bằng so với dự toán giao trong năm 2025; số liệu xét duyệt không có chênh lệch so với số đề nghị quyết toán của đơn vị .

Kinh phí giao tự chủ đề nghị quyết toán: 2.486.000.000 đồng.

II. Đối chiếu số liệu thu chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi:	6.562.668.743	đồng
- Trích lập Nguồn Cải cách tiền lương:	2.296.934.060	đồng;
- Trích lập các Quỹ:	4.265.734.683	đồng;
+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:	1.146.904.447	đồng;
+ Quỹ Bổ sung thu nhập:	1.589.045.562	đồng;
+ Quỹ Khen thưởng:	854.884.674	đồng;
+ Quỹ Phúc lợi:	674.900.000	đồng.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Đơn vị đã chấp hành và nộp Báo cáo quyết toán năm 2025 đúng thời hạn quy định. Báo cáo quyết toán được lập theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Nội dung về chấp hành các quy định của nhà nước đã được nêu và thống nhất tại Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2025 giữa Sở Y tế và đơn vị.

Đơn vị đã thực hiện đầy đủ kiến nghị của Thanh tra tỉnh.

2. Kiến nghị:

Yêu cầu đơn vị thực hiện các nội dung kiến nghị đã được nêu trong Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 10/3/2026

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025, đề nghị Bệnh viện đa khoa Nga Sơn thực hiện công khai quyết toán theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- BVĐK Nga Sơn;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

PHỤ LỤC I
SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2025	LOẠI 130
			KHOẢN 132
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	-
2	Dự toán được giao trong năm	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ</i>		
3	Tổng số được sử dụng trong năm	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ</i>		
4	Kinh phí thực nhận trong năm	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ</i>		
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí được giao tự chủ</i>	2.486.000.000	2.486.000.000
	- <i>Kinh phí không được giao tự chủ</i>	-	-
6	Kinh phí giảm trong năm	-	-
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	-	-

PHẦN II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Thực hiện năm 2025
				Tổng số	2.486.000.000
A				Loại 130 - Khoản 132	2.486.000.000
I				Kinh phí được giao tự chủ	2.486.000.000
Tiểu nhóm 0129			Chi Thanh toán cho cá nhân		1.885.130.838
		6000		Tiền lương	636.767.000
			6001	Lương theo ngạch bậc	636.767.000
		6100		Phụ cấp lương	1.076.015.738
			6101	Phụ cấp chức vụ	73.475.921
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	971.937.920
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	4.266.000
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	26.335.897
		6300		Các khoản đóng góp	172.348.100
			6301	Bảo hiểm xã hội	129.313.400
			6302	Bảo hiểm y tế	22.168.000
			6303	Kinh phí công đoàn	14.778.600
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	6.088.100
Tiểu nhóm 0130			Chi về hàng hóa, dịch vụ		600.869.162
		6500		Vật tư văn phòng phẩm	579.356.101
			6501	Tiền điện	500.000.000
			6502	Tiền nước	79.356.101
		6600		Thông tin tuyên truyền liên lạc	21.513.061
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	21.513.061

PHỤ LỤC II
BẢNG XÁC ĐỊNH CHÊNH LỆCH THU, CHI TỪ KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO TỰ CHỦ

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2025
1	Thu được giao tự chủ	89.568.937.227
1.1	Thu NSNN hỗ trợ	2.486.000.000
1.2	Thu hoạt động sự nghiệp	86.098.965.415
1.2.1	Thu dịch vụ KCB BHYT	70.361.766.428
1.2.2	Thu dịch vụ KCB không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT	15.737.198.987
1.3	Thu hoạt động phụ trợ, hỗ trợ	789.219.338
1.3.1	Thu dịch vụ trông giữ xe	322.000.000
1.3.2	Thu dịch vụ nhà dinh dưỡng	150.000.000
1.3.3	Thu dịch vụ tắc xi vào đón bệnh nhân	12.000.000
1.3.4	Thu dịch vụ đặt máy bán hàng tự động	23.000.000
1.3.4	Thu khác	282.219.338
1.4	Thu hoạt động kinh doanh, cho thuê, LDLK	-
1.5	Thu biếu tặng, tài trợ không kèm điều kiện	-
1.6	Thu lãi tiền gửi NH, KB	168.652.474
1.7	Thu khác	26.100.000
1.7.1	Thu từ thanh lý tài sản	26.100.000
2	Chi được giao tự chủ	82.930.668.484
2.1	Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản trích nộp theo lương và chi phí khác cho người lao động	45.027.954.287
2.2	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	31.911.855.101
2.3	Chi phí quản lý	1.890.700.620
2.4	Chi phí khác	4.095.108.636
2.5	Chi phí tài chính	1.174.800
2.6	Chi phí khác (Chi phí tổ chức đấu giá tài sản thanh lý)	3.875.040
3	Chi phí khấu hao	-
4	Chi phí thuế TNDN và các khoản nộp NSNN	75.600.000
5	Trích nguồn CCTL	2.296.934.060
6	Kinh phí mang sang năm sau	-
7	Chỉ tiêu điều chỉnh (doanh thu ghi nhận năm trước, chi phí ghi nhận năm nay)	-
8	Chênh lệch thu - chi	6.562.668.743
9	Trích các quỹ (các khoản được phân phối)	4.265.734.683
9.1	Quỹ PTHĐSN	1.146.904.447
9.2	Quỹ bổ sung thu nhập	1.589.045.562
9.3	Quỹ khen thưởng	854.884.674
9.4	Quỹ phúc lợi	674.900.000

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 198 /QĐ-BVNS ngày 05/06/2026 của Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

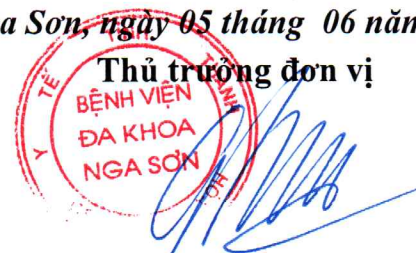
Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	QUYẾT TOÁN THU					
A	TỔNG SỐ THU	87.082.937.227	87.082.937.227			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	87.056.837.227	87.056.837.227			
3	Thu sự nghiệp khác	26.100.000	26.100.000			
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	82.930.668.484	82.930.668.484			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	82.930.668.484	82.930.668.484	45.027.954.287	720.618.200	
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi	6.562.668.743	6.562.668.743			4.265.734.683
C	SỐ THU NỘP NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	75.600.000	75.600.000			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	QUYẾT TOÁN CHI NSNN	2.486.000.000	2.486.000.000	2.486.000.000	-	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.486.000.000	2.486.000.000	2.486.000.000	-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.486.000.000	2.486.000.000	2.486.000.000		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-			
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Nga Sơn, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



NGÔ CÔNG NGHIÊM